

Phương Sơn, ngày 30 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc phân bổ dự toán thu- chi ngân sách thị trấn năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN PHƯƠNG SƠN  
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH 13 ngày 25/06/2015; Nghị quyết số 163/2016 ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách Nhà nước;

Sau khi xem xét tờ trình số: 72 ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc phân bổ dự toán thu - chi ngân sách thị trấn năm 2023. Báo cáo thẩm tra số: 06 /BC- BKT-XH ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Ban kinh tế xã hội và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn tại kỳ họp.

Căn cứ vào nghị quyết kỳ họp HĐND kỳ họp thứ 5 khoá XXI ngày tháng 12 năm 2021

**QUYẾT NGHỊ;**

**Điều 1.** Thông qua Phân bổ dự toán Thu, Chi ngân sách thị trấn năm 2023

**1. Tổng thu ngân sách thị trấn năm 2023 là: 10.505.381.000đ**

*Bằng chữ: Mười tỉ năm trăm linh năm triệu ba trăm tám một nghìn đồng  
( có biểu chi tiết kèm theo)*

Trong đó: - Các khoản thu được hưởng 100% là: 294.000.000<sup>d</sup> ( Hai trăm chín tư triệu đồng)

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 6.045.700.000<sup>d</sup> ( Sáu tỉ không trăm bốn năm triệu bảy trăm nghìn đồng)

- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 4.165.681.000<sup>d</sup> ( Bốn tỉ một trăm sáu năm triệu sáu trăm tám một nghìn đồng)

**2. Tổng chi ngân sách thị trấn năm 2023 là: 10.505.381.000đ**

*Bằng chữ: Mười tỉ năm trăm linh năm triệu ba trăm tám một nghìn đồng  
( có biểu chi tiết kèm theo) Trong đó :*

- Chi thường xuyên: 5.505.381.000 đồng

- Chi XD CB: 5.000.000.000 đồng

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai dự toán thu- chi ngân sách thị trấn theo quy định luật ngân sách nhà nước, trong thực hiện khi có nguồn tăng thu ngân sách thị trấn, UBND thị trấn trình thường trực HĐND, các ban HĐND thị trấn xem xét, quyết định và báo cáo tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 3.** Giao UBND thị trấn tổ chức thực hiện Nghị quyết. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu HĐND thị trấn phối hợp với Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thị trấn giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thị trấn Phương Sơn khóa XXI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2022/.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND huyện Lục Nam;
- TT Đảng, HĐND, UBND TT;
- Đại biểu HĐND TT;
- Các ngành, đoàn thể TT;
- Các TDP
- Lưu: VT.

  
CHỦ TỊCH  
Nguyễn Đức Nhâm



## HĐND THỊ TRẤN PHƯƠNG SƠN

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2023

STT	Nội dung	Tổng dự toán chi 2023	Số tiền trừ tiết kiệm và tiền báo	Dự toán được còn chi năm 2023	Ghi chú
A	Tổng chi ngân sách thị trấn	10.642.363.000	136.982.000	10.505.381.000	
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	5.000.000.000		5.000.000.000	
II	Chi thường xuyên	5.642.363.000	136.982.000	5.505.381.000	
1	Chi an ninh, quốc phòng	380.263.000	14.692.000	365.571.000	
	An ninh	38.188.000	3.800.000	34.388.000	
	Quốc phòng (Chi huấn luyện dân quân, phụ cấp, hoạt động QS)	342.075.000	10.892.000	331.183.000	Đã trừ tiết kiệm chi hoạt động TX QS
2	Chi sự nghiệp văn hóa	134.188.000	6.500.000	127.688.000	
	Sự nghiệp VH TT	64.188.000	6.500.000	57.688.000	Đã trừ tiết kiệm
	Hoạt động toàn dân đoàn kết UBM TTQ	20.000.000		20.000.000	
	Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư	50.000.000		50.000.000	
3	Sự nghiệp thể dục thể thao	23.888.000	2.400.000	21.488.000	Đã trừ tiết kiệm
4	Sự nghiệp đài truyền thanh	74.000.000	7.400.000	66.600.000	Đã trừ tiết kiệm
5	Sự nghiệp kinh tế (Giao thông, nông, lâm, thủy lợi)	218.563.000	21.800.000	196.763.000	Đã trừ tiết kiệm
	Chi sự nghiệp giao thông	55.000.000	5.000.000	50.000.000	Đã trừ tiết kiệm
	Chi sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi	163.563.000	16.300.000	147.263.000	Đã trừ tiết kiệm
6	Chi sự nghiệp môi trường	24.375.000	2.430.000	21.945.000	Đã trừ tiết kiệm
7	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ hưu và 4,5% BHYT	313.711.000		313.711.000	
8	Chi đảm bảo xã hội	44.688.000	4.460.000	40.228.000	
9	Chi QLNN, đảng, đoàn thể, chi lương PC cán bộ UBND, thú y, khuyến nông	4.096.756.000	44.500.000	4.052.256.000	
9.1	Quỹ lương cán bộ công chức, BHXH, BHYT, KPCĐ	1.832.206.000		1.832.206.000	
9.2	PC bán chuyên trách xã và 17% BHXH, BHYT	278.928.000		278.928.000	
9.3	PC bán chuyên trách thôn và 3% BHYT	1.044.907.000		1.044.907.000	
9.4	PC đại biểu HĐND và 4,5% BHYT	143.755.000		143.755.000	
9.5	PC cấp ủy	80.460.000		80.460.000	
9.6	Kinh phí hỗ trợ đội trưởng, đội phó dân phòng theo NQ số: 22/2022 HĐND tỉnh	136.500.000		136.500.000	
9.7	Hoạt động của Đảng ủy, HĐND, UBND, đặc thù cấp xã	580.000.000	44.500.000	535.500.000	Đã trừ tiết kiệm

9.7.1	Hoạt động Đảng ủy	121.000.000	6.500.000	114.500.000	Đã trừ tiết kiệm
	Chi thường xuyên đảng	65.000.000	6.500.000	58.500.000	Đã trừ tiết kiệm
	Chi viết lịch sử đảng	50.000.000		50.000.000	
	Chi UB kiểm tra cấp ủy	6.000.000		6.000.000	
9.7.2	Hoạt động HĐND	40.000.000	4.000.000	36.000.000	Đã trừ tiết kiệm
9.7.3	Hoạt động UBND	419.000.000	38.000.000	381.000.000	Đã trừ tiết kiệm
	* Chi công tác phí, công hợp đồng, tiếp khách, hội nghị, tiền báo, tiền điện, tiền điện thoại, tiền mạng Internet, chè, nước, văn phòng phẩm, sửa chữa máy photo, sửa máy tính, trục 1 cửa, giải quyết đơn thư, chi khác....	333.000.000	33.000.000	300.000.000	Đã trừ tiết kiệm
	* Chi ( 06 tổ chức hội mỗi tổ chức hội 1.000.000đ; (Đa cam, Việt Lào, Cựu giáo chức, Thanh niên xung phong, khuyến học, hội chiến sĩ thành cổ Quảng trị); hoạt động 10 thôn, phố là 3.000.000đ/thôn, phố)	36.000.000		36.000.000	
	Kinh phí cho các nội dung đặc thù	50.000.000	5.000.000	45.000.000	Đã trừ tiết kiệm
10	<b>Chi hoạt động Đoàn thể, hội</b>	<b>90.000.000</b>	<b>6.760.000</b>	<b>83.240.000</b>	
	Kinh phí hoạt động của MTTQ	14.600.000	1.460.000	13.140.000	
	Đoàn thanh niên	12.100.000	1.200.000	10.900.000	
	Hội cựu chiến binh	12.100.000	1.200.000	10.900.000	
	Hội phụ nữ	12.100.000	1.200.000	10.900.000	
	Hội nông dân	12.100.000		12.100.000	
	Hội người cao tuổi	8.500.000	850.000	7.650.000	
	Hội chữ thập đỏ	8.500.000	850.000	7.650.000	
	Cấp tiền đại hội Hội nông dân	10.000.000		10.000.000	
11	<b>Ban thanh tra nhân dân</b>	<b>6.000.000</b>		<b>6.000.000</b>	
12	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>25.212.000</b>	<b>2.500.000</b>	<b>22.712.000</b>	
III	Dự phòng ngân sách	210.719.000		210.719.000	
IV	Chi tiền báo đảng ủy		28.000.000	(28.000.000)	



**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2023**



Chỉ tiêu	HĐND huyện giao	HĐND Thị trấn giao	Ghi chú
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>10.505.381.000</b>	<b>10.505.381.000</b>	
<b>I. Các khoản hưởng 100%</b>	<b>294.000.000</b>	<b>294.000.000</b>	
1. Phí, lệ phí	42.000.000	42.000.000	
2. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ HD	122.000.000	122.000.000	
3. Đóng góp của nhân dân theo quy định		-	
4. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, CN		-	
5. Thu khác	130.000.000	130.000.000	
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm %</b>	<b>6.045.700.000</b>	<b>6.045.700.000</b>	
1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	180.000.000	180.000.000	
2. Lệ phí trước bạ nhà, đất	80.000.000	80.000.000	
3. Phí bảo vệ môi trường		-	
4. Thuế ngoài quốc doanh( GTGT)	371.000.000	371.000.000	
5. Thuế TNCN từ hộ kinh doanh	108.000.000	108.000.000	
6. Thuế TNCN từ bất động sản	306.700.000	306.700.000	
7. Tiền sử dụng đất	5.000.000.000	5.000.000.000	
<b>III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.165.681.000</b>	<b>4.165.681.000</b>	
1. Bổ sung cân đối ngân sách	4.165.681.000	4.165.681.000	
2. Bổ sung có mục tiêu			